

THÔNG TƯ**Quy định về xuất khẩu than**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Thực hiện Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về xuất khẩu than như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định danh mục, tiêu chuẩn chất lượng than và điều kiện xuất khẩu than.

2. Việc xuất khẩu than theo phương thức tạm nhập tái xuất hoặc nhận gia công chế biến than cho doanh nghiệp nước ngoài để phục vụ xuất khẩu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này và được thực hiện theo Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến xuất khẩu than trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tiêu chuẩn VILAS: Là tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thí nghiệm Việt Nam (Viet Nam Laboratory Accreditation Scheme).

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Là các cơ quan quản lý nhà nước Trung ương (các Bộ) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương (UBND cấp tỉnh).

Điều 4. Điều kiện xuất khẩu than

1. Chỉ có doanh nghiệp mới được phép xuất khẩu than. Doanh nghiệp xuất khẩu than là doanh nghiệp có đủ điều kiện kinh doanh than theo quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về điều kiện kinh doanh than.

2. Than được phép xuất khẩu khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Đã qua chế biến và đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc tương đương tiêu chuẩn chất lượng quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

b) Có nguồn gốc hợp pháp như quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về điều kiện kinh doanh than.

c) Các quy định khác (nếu có) theo sự điều hành của Chính phủ về hoạt động xuất nhập khẩu từng thời kỳ.

Điều 5. Thủ tục xuất khẩu than

1. Doanh nghiệp khi làm thủ tục xuất khẩu than, ngoài các chứng từ theo quy định của Hải quan, cần phải xuất trình các loại giấy tờ sau:

a) Phiếu phân tích mẫu để xác nhận sự phù hợp về tiêu chuẩn, chất lượng của lô than xuất khẩu, do một phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS cấp.

b) Hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của than xuất khẩu.

2. Hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của than xuất khẩu gồm:

a) Đối với doanh nghiệp khai thác than: Giấy phép khai thác, Giấy phép khai thác tận thu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

b) Đối với doanh nghiệp chế biến than: Giấy chứng nhận đầu tư cơ sở chế biến than và Hợp đồng mua than có nguồn gốc hợp pháp để chế biến.

c) Đối với doanh nghiệp thương mại hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu than: Hợp đồng mua bán kèm theo bản sao hóa đơn giá trị gia tăng hoặc Hợp đồng ủy thác xuất khẩu than ký với doanh nghiệp nêu tại điểm a hoặc điểm b khoản này; hoặc chứng từ hợp lệ mua than do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tịch thu, phát mại.

3. Khi làm thủ tục thông quan, nếu có cơ sở nghi vấn lô hàng than xuất khẩu không đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định tại Thông tư này, Hải quan cửa khẩu có quyền cho thông quan, đồng thời tiến hành lập Biên bản và lấy lại mẫu than để kiểm tra. Việc kiểm tra do một phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS thực hiện. Nếu kết quả kiểm tra khẳng định sự nghi vấn là có cơ sở thì doanh nghiệp xuất khẩu phải bị xử phạt hành chính theo quy định hiện hành và chịu các chi phí thử nghiệm. Nếu kết quả kiểm tra cho thấy lô hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định thì chi phí thử nghiệm do Hải quan cửa khẩu chịu.

Điều 6. Báo cáo về xuất khẩu than

1. Nội dung báo cáo về xuất khẩu than:

a) Kết quả thực hiện về chủng loại, khối lượng, kim ngạch xuất khẩu than, nguồn gốc than xuất khẩu.

b) Tình hình chấp hành các quy định về xuất khẩu than.

2. Chế độ báo cáo:

Doanh nghiệp xuất khẩu than có trách nhiệm định kỳ 6 tháng một lần (vào đầu các quý I, III hàng năm) báo cáo việc thực hiện xuất khẩu. Báo cáo được gửi về Bộ Công Thương và Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường nơi doanh nghiệp thực hiện việc xuất khẩu than.

3. Doanh nghiệp xuất khẩu than chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin báo cáo.

4. Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu báo cáo đột xuất về tình hình xuất khẩu than để phục vụ công tác quản lý, doanh nghiệp xuất khẩu than có trách nhiệm phải thực hiện yêu cầu đó.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý

1. Tổng cục Năng lượng (Bộ Công Thương) chịu trách nhiệm chủ trì và là đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan định kỳ tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật liên quan.

2. Căn cứ tình hình thực tế của hoạt động khai thác, gia công, chế biến và kinh doanh than, Tổng cục Năng lượng có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương để xem xét điều chỉnh, bổ sung Thông tư này khi cần thiết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2013 và thay thế Thông tư số 05/2007/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ Công Thương hướng dẫn xuất khẩu than.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nhu cầu sử dụng và khả năng khai thác, chế biến than trong nước, Bộ Công Thương sẽ xem xét điều chỉnh danh mục, điều kiện và tiêu chuẩn chất lượng than được phép xuất khẩu cho phù hợp.

2. Hợp đồng xuất khẩu than hợp lệ (theo Thông tư số 05/2007/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ Công Thương hướng dẫn xuất khẩu than) đã được ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn quy định trong hợp đồng.

3. Bộ Công Thương có quyền yêu cầu dừng hoạt động xuất khẩu than đối với doanh nghiệp xuất khẩu than vi phạm các quy định của Thông tư này.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp có hoạt động liên

quan đến xuất khẩu than chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, doanh nghiệp phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Ban bí thư TW Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Hải quan;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Cục, Vụ thuộc Bộ Công Thương;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TCNL.



PHỤ LỤC I

DANH MỤC, ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG THAN XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15 /2013/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu than)

TT	Loại than xuất khẩu	Cỡ hạt, mm	Độ tro khô, A ^k %	Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô, Q _{gr} ^k cal/g	Điều kiện, thời gian
1	Than cục các loại				
	Hòn Gai-Cẩm Phả	6 ÷ 100	3,00 ÷ 16,00	≥ 7 050	Hạn chế xuất khẩu từ sau năm 2015
	Mạo Khê	15 ÷ 100	7,00 ÷ 15,00	≥ 6 750	
	Uông Bí-Nam Mẫu-Vàng Danh	6 ÷ 90	7,00 ÷ 15,00	≥ 6 700	
2	Than cám các loại				
2.1	Cám 1, 2, 3				Hạn chế xuất khẩu từ sau năm 2015
	Hòn Gai-Cẩm Phả	≤ 15	5,00 ÷ 19,00	≥ 6 750	
	Uông Bí-Nam Mẫu-Vàng Danh	≤ 15	8,00 ÷ 19,00	≥ 6 350	
2.2	Cám 4				Dừng xuất khẩu từ năm 2016
	Hòn Gai-Cẩm Phả	≤ 15	19,01 ÷ 27,00	≥ 5 950	
	Mạo Khê	≤ 15	23,01 ÷ 27,00	≥ 5 700	
	Uông Bí-Nam Mẫu-Vàng Danh	≤ 15	19,01 ÷ 27,00	≥ 5 700	
2.3	Cám 5				Dừng xuất khẩu từ năm 2016
	Hòn Gai-Cẩm Phả	≤ 15	27,00 ÷ 35,00	≥ 5 250	
	Mạo Khê	≤ 15	27,01 ÷ 35,00	≥ 4 950	
	Uông Bí-Nam Mẫu-Vàng Danh	≤ 15	27,01 ÷ 35,00	≥ 5 050	
2.4	Cám 6				Dừng xuất khẩu từ năm 2015
	Hòn Gai-Cẩm Phả	≤ 15	35,01 ÷ 45,00	≥ 4 350	
	Mạo Khê	≤ 15	35,01 ÷ 45,00	≥ 4 200	
	Uông Bí-Nam Mẫu-Vàng Danh	≤ 15	35,01 ÷ 45,00	≥ 4 200	

Ghi chú: Tiêu chuẩn chất lượng than xuất khẩu theo TCVN 8910:2011 Than thương phẩm - Yêu cầu kỹ thuật

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN XUẤT KHẨU THAN NĂM...

trên địa bàn tỉnh:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu than)

TT	Tên Doanh nghiệp thực hiện xuất khẩu than	Tiêu chuẩn chất lượng than xuất khẩu (loại than, cỡ hạt, độ tro khô, trị số tỏa nhiệt toàn phần)	Nguồn than xuất khẩu	Số Giấy phép khai thác/số Giấy chứng nhận đầu tư cơ sở chế biến	Công suất khai thác theo Giấy phép khai thác/Giấy chứng nhận đầu tư cơ sở chế biến (nghìn tấn/năm)	Khối lượng xuất khẩu (nghìn tấn)	Giá trị (USD)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Doanh nghiệp A		Khai thác				
II	Doanh nghiệp B		Chế biến				
III	Doanh nghiệp C		Mua của doanh nghiệp khai thác...				
IV	Doanh nghiệp D		Mua của doanh nghiệp chế biến...				
						